

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **531/2022/DS-ST**

Ngày : 20/7/2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

: Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân

: 1. Bà Lê Thị Thu Hương

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

- Thư ký phiên tòa

: Bà Trần Minh Tâm

- là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 493/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QT

Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S - 111A P, phường B, Quận 1, TPHCM.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 6 Tòa nhà P, số 26 UVK, Phường 25, quận B, TP HCM.

Đại diện: Bà Ngô Thị Thảo L - Giấy ủy quyền ngày 16/7/2021 (*có mặt*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Vân Q

sinh năm: 1974

Địa chỉ: 146/3A CT, Phường 17, quận P, TP H.

(*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (có bà Ngô Thị Thảo L đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngân hàng TMCP QT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và bà Nguyễn Thị Vân Q có ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Ngày 03/01/2018, bà Nguyễn Thị Vân Q và Ngân hàng V có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 với nội dung:

Ngân hàng V đồng ý cho bà Nguyễn Thị Vân Q vay số tiền 173.000.000 (*một trăm bảy mươi ba triệu*) đồng; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ

ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 26/01/2021. Lãi suất vay: 15,72%, mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi): 6.058.279 đồng, ngày đến hạn trả tiền hàng tháng: ngày 26; hoàn trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ.

Ngày 26/01/2018, Ngân hàng V đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Vân Q theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 01461.KUNN-VIB856.17 với số tiền 173.000.000 (một trăm bảy mươi ba triệu) đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

2. Căn cứ Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017: Ngân hàng V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Vân Q, chi tiết như sau: Số thẻ: 513892xxxxxx8660, loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế V Platinum Cashback, hạn mức: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất và phí theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện của Ngân hàng V từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng nói trên, bà Q luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Do vậy, Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của bà Q sang nợ quá hạn từ ngày 27/07/2020.

Tính đến ngày 04/5/2022, bà Q đã trả cho Ngân hàng V số tiền tổng cộng là 180.690.091 (một trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi ngàn không trăm chín mươi mốt) đồng (trong đó: nợ gốc: 137.776.564 đồng, nợ lãi: 42.913.527 đồng) và còn nợ Ngân hàng V số tiền chưa trả là: 247.911.604 (hai trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm mười một ngàn sáu trăm lẻ bốn) đồng, Cụ thể:

Đơn vị: Đồng

TT	Số HĐTD/Thẻ	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn/ phí	Tổng
1	01461.HĐTD-VIB856.17	35.223.436	633.190	15.106.924	50.963.550
2	513892xxxxxx8660	97.770.176	40.710.330	58.467.548	196.948.054
	Tổng cộng	132.993.612	41.343.520	73.574.472	247.911.604

Do vậy, Ngân hàng V yêu cầu bà Q phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ là 247.911.604 (hai trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm mười một ngàn sáu trăm lẻ bốn) đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 05/5/2022 cho đến khi bà Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Vân Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V yêu cầu bà Nguyễn Thị Vân Q phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 20/07/2022 là **249.663.763** đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi ba) đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

T	Số HĐTD/Thẻ	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn/ phí	Tổng
1	01461.HĐTD-VIB856.17	35.223.436	633.190	16.859.083	52.715.709
2	513892xxxxxx8660	97.770.176	40.710.330	58.467.548	196.948.054
	Tổng cộng	132.993.612	41.343.520	75.326.631	249.663.763

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018 thì lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng này theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

Đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017: Ngân hàng V không tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Q trả hết nợ vay.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thực hiện việc giao kết các Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018 và thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017. Căn cứ vào các Hợp đồng, đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 26/1/2018, bảng sao kê lịch sử thanh toán nợ, bản quy định điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 132.993.612 (*một trăm ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm mười hai*) đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018 và thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

- **Đối với Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018:** căn cứ vào nội dung trong hợp đồng thể hiện số tiền mà Ngân hàng V cho bà Q vay là 173.000.000 (*một trăm bảy mươi ba triệu*) đồng, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày giải ngân, phương thức trả gốc và trả lãi hàng tháng. Căn cứ vào đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2018 cho thấy: Ngày 26/01/2018, Ngân hàng V đã giải ngân cho bà Q toàn bộ số tiền vay là 173.000.000 (*một trăm bảy mươi ba triệu*) đồng, thời hạn vay từ 26/01/2018 đến 26/01/2021, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 15,72%/năm. Số tiền phải trả hàng tháng bao gồm cả gốc và lãi là 6.058.279 đồng, trả vào ngày 26 hàng tháng. Đây là khoản vay tín chấp. Căn cứ vào bảng sao kê nợ gốc và lãi đã trả cho thấy, bà Q đã trả cho Ngân hàng V số nợ gốc là 137.776.564 đồng, còn nợ số tiền nợ gốc là 35.223.436 đồng.

- **Đối với bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017** (kèm theo Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB): Căn cứ vào các nội dung trong bản đăng ký phát hành thẻ có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Q thể hiện nội dung Ngân hàng V đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Vân Q, chi tiết như sau: Số thẻ 513892xxxxxx8660, loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế V Platinum Cashback, hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng, lãi suất và phí theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện của Ngân hàng V từng thời kỳ. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch tín dụng. Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo bản sao kê giao dịch do ngân hàng cung cấp thể hiện, từ ngày 10/7/2020 trở đi, bà Q không thanh toán nợ cho ngân hàng. Bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Như vậy, căn cứ vào mục 11 của Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V (đơn vị phát hành thẻ), Ngân hàng có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 97.770.176 (*chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn một trăm bảy mươi sáu*) đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc **132.993.612** (*một trăm ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm mười hai*) đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018 và thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017 là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi:

- Số tiền lãi 17.492.273 (*mười bảy triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi ba*) đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại mục 1.4 của Hợp đồng tín dụng quy định về lãi suất, tại mục 6 của đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ ngày 26/01/2018 quy định mức lãi suất cố định trong suốt thời hạn vay là 15.72%/năm, tại điểm g mục 1.4 của điều khoản và điều kiện cấp tín dụng thể hiện: nợ quá hạn tính bằng 150% lãi suất đang được áp dụng cho khoản tín dụng.

Như vậy, tiền lãi tính đến ngày 20/7/2022 là 17.492.273 (*mười bảy triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi ba*) đồng là có căn cứ để chấp nhận.

- Số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí sử dụng thẻ là 99.177.878 (*chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi tám*) đồng phát sinh từ Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017 kèm theo Bản thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại mục 10 của bảng biểu phí và điều khoản điều kiện V Cash Back quy định chi tiết lãi suất, phí, tiền lãi. Bà Q đã vi phạm thời hạn thanh toán nợ nên phải chịu lãi và phí theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết. Như vậy, số tiền lãi và phí sử dụng thẻ tính đến ngày 20/7/2022 là 99.177.878 (*chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi tám*) đồng là có căn cứ để chấp nhận.

- Ngoài ra, đối với khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018 thì lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng này theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

Đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017: Ngân hàng V không tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Q trả hết nợ vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 12.483.188 (*mười hai triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn một trăm tám mươi tám*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QT

Buộc bà Nguyễn Thị Vân Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP QT số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/7/2022 là **249.663.763** (*hai trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi ba*) đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018:

+ Nợ gốc: 35.223.436 đồng;

+ Nợ lãi: 17.492.273 đồng.

- Bản đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017:

+ Nợ gốc: 97.770.176 đồng

+ Nợ lãi: 99.177.878 đồng.

Ngoài ra, đối với khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01461.HĐTD-VIB856.17 ngày 03/01/2018 thì lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng này theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

Đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/12/2017: Ghi nhận việc Ngân hàng TMCP QT không tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Q trả hết nợ.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Vân Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 12.483.188 (*mười hai triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn một trăm tám mươi tám*) đồng.

- Ngân hàng TMCP QT được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.594.000 (*năm triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0028908 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung